**MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài**

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc cùng chung sống. Trong đó, dân tộc Kinh (còn gọi là dân tộc Việt) chiếm 86,2% dân số, 53 dân tộc thiểu số còn lại chiếm 13,8% dân số. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu cư trú trên các vùng rừng núi, biên giới, có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Tuy có sự chênh lệch đáng kể về dân số cũng như trình độ phát triển, sự khác nhau về tâm lý, tập quán sinh hoạt nhưng các dân tộc trong cả nước vẫn xem nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, cùng góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam, luôn luôn chung sức xây dựng bảo vệ Tổ quốc, cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn.

Trong một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam thì vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc là một vấn đề hết sức quan trọng, có ý nghĩa sống còn. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định công tác dân tộc và đại đoàn kết dân tộc là một trong những vấn đề chiến lược đối với cách mạng, coi việc chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc là trách nhiệm, nghĩa vụ và đạo lý truyền thống. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã khẳng định: *“Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa...”.*

Với sự nhất quán trong hệ thống chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, rất đáng ghi nhận trong việc chăm lo phát triển đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục…cho đồng bào các dân tộc, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Những thành tựu đó đã góp phần hết sức quan trọng vào sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Quảng Bình là một tỉnh thuộc khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ, phía đông tiếp giáp biển với Đông, phía bắc tiếp giáp với [tỉnh Hà Tĩnh](http://www.vietgle.vn/trithucviet/detail.aspx?key=t%E1%BB%89nh+H%C3%A0+T%C4%A9nh&type=A0), phía nam tiếp giáp với tỉnh Quảng Trị, phía tây tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trừ thành phố Đồng Hới, trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh, 6 huyện còn lại đều là những huyện miền núi và có miền núi.

Quảng Bình có hai dân tộc thiểu số có số dân đông nhất là Dân tộc Bru - Vân Kiều gồm các tộc người: Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Trì và dân tộc Chứt gồm các tộc người: Sách, Rục, A Rem, Mày, Mã Liềng. Ngoài ra còn có các dân tộc thiểu số khác với số dân không nhiều như: Thái, Thổ, Mường, Pacô, Tày, Êđê, Karai, Giẻ Triêng... Qua các thời kỳ cách mạng, các dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Bình đã chung sức, chung lòng, góp công vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tháng 7 - 1989, tỉnh Quảng Bình được tái lập. Thời kỳ này, Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình đã kịp thời thành lập *Ban chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội miền núi* (năm 1990), *Ban Dân tộc và Miền núi* (năm 1993). Từ đó đến nay, nhờ được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, của chính quyền địa phương và sự nỗ lực của nhân dân, quá trình thực hiện chính sách dân tộc của tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng: Cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng đồng bào dân tộc - miền núi; một số mô hình định canh, định cư có hiệu quả rõ rệt, tỷ lệ đói nghèo giảm bình quân qua hàng năm, đạt kết quả tốt trong việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo….Tuy nhiên, bên cạnh đó thì lộ trình đổi mới, phát triển các dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Bình vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Đồng bào sống chủ yếu ở các xã đặc biệt khó khăn, dân cư phân tán, kinh tế hàng hóa còn chưa phát triển, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp có nguy cơ mai một...

Với mục đích nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những thành tựu, cũng như những hạn chế trong quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua những khó khăn, thách thức, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới, tác giả đã chọn đề tài: “***Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 1989 - 2010”*** làm tiểu luận kết thúc môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2. Mục đích và nhiệm vụ của tiểu luận**

*Mục đích*

- Tìm hiểu và góp phần làm sáng tỏ hơn những nội dung cơ bản về chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới.

- Nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương giai đoạn 1989 - 2010.

- Trên cơ sở đó tổng kết những thành tựu, nêu lên những hạn chế, rút ra những kinh nghiệm trong quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 1989 - 2010, đồng thời đề xuất những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

*Nhiệm vụ*

Để đạt được những mục đích nêu trên, tiểu luận cần thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

* Trình bày có hệ thống các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới.
* Trình bày quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Bình tiếp thu, vận dụng những chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương.
* Đánh giá những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010.
* Rút ra những kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của tiểu luận**

*Đối tượng nghiên cứu*

Trên cơ sở nghiên cứu những nội dung cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, Tiểu luận đi sâu nghiên cứu sự tiếp thu,vận dụng của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình trong quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương.

*Phạm vi nghiên cứu*

Tiểu luận tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình trong việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1989 - 2010.

**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

*Cơ sở lý luận*

Tiểu luận được nghiên cứu dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc; các quan điểm, chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

*Phương pháp nghiên cứu*

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic. Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng các phương pháp khác như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp điều tra xã hội học.

**5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của tiểu luận**

Tiểu luận góp phần cung cấp và làm rõ hơn những nội dung cơ bản của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, phục vụ cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân có nhu cầu tìm hiểu về các nội dung này.

Trình bày sâu sắc, có hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 1989 - 2010, góp phần vào việc nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Bình về vấn đề dân tộc trong giai đoạn này.

Đánh giá, tổng kết quá trình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

Ngoài ra, tiểu luận còn có thể là tài liệu tham khảo cho việc tìm hiểu về quá trình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010, cũng như lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Bình ở nội dung thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn này.

**6. Kết cấu của tiểu luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, tiểu luận được chia làm 3 chương, 7 tiết.

Chương 1: Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ đổi mới và khái quát về các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Bình

Chương 2: Quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1989 - 2010

Chương 3: Nhận xét chung và một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

**Chương 1**

**CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ KHÁI QUÁT VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH QUẢNG BÌNH**

* 1. **Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới**
     1. ***Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc***
        1. *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc*

Đứng trên lập trường duy vật, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề giai cấp của giai cấp vô sản, của cách mạng vô sản, của chuyên chính vô sản. Chủ nghĩa Mác - Lênin hết sức lên án sự nô dịch, áp bức dân tộc và khẳng định một dân tộc mà đi áp bức những dân tộc khác thì dân tộc ấy không thể có tự do; xem áp bức giai cấp là nguồn gốc của áp bức dân tộc, áp bức dân tộc nuôi dưỡng, củng cố áp bức giai cấp. Và vấn đề dân tộc chỉ được giải quyết triệt để khi xóa bỏ được nạn người bóc lột người: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ” [1; tr.624].

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp công nhân muốn thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình thì không chỉ giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột mà còn phải đồng thời giải phóng các dân tộc và toàn nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột. C. Mác và Ph. Ăng ghen đã đề ra khẩu hiệu hành động: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”, đồng thời yêu cầu giai cấp vô sản phải tự tổ chức trong khuôn khổ dân tộc, có tính dân tộc, không thờ ơ với vấn đề dân tộc, phải đấu tranh giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên địa vị một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng: “Khi mà sự đối kháng giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo” [1; tr.624]. Bên cạnh đó, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đã phê phán chủ nghĩa dân tộc cực đoan, tự ti, hẹp hòi.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra hai xu hướng phổ biến của quá trình hình thành và phát triển dân tộc dưới thời kỳ chủ nghĩa tư bản: “Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất là: sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc, cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc, việc thiết lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai: việc phát triển và tăng cường đủ mọi thứ quan hệ giữa các dân tộc, việc xóa bỏ những hàng rào ngăn cách các dân tộc và việc thiết lập sự thống nhất quốc tế của tư sản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học, v.v...Cả hai xu hướng đó là quy luật phổ biến của chủ nghĩa tư bản” [74; tr.157 -158].

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin thì lập trường đối với vấn đề dân tộc của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là khác nhau: “Chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là hai khẩu hiệu đối lập không thể điều hòa được, thích ứng với hai phe giai cấp lớn lao trong toàn thế giới tư bản chủ nghĩa và biểu thị hai chính sách (hơn thế nữa: hai thế giới quan) trong vấn đề dân tộc” [74; tr.158].

Chủ nghĩa Mác - Lênin xác định các nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc của các đảng cộng sản, được thể hiện trong tác phẩm “Về quyền dân tộc tự quyết” của Lênin, với nội dung cơ bản là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc có quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc.

*Nguyên tắc các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*: Bình đẳng là quyền thiêng liêng của tất cả các dân tộc. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc có nghĩa là các dân tộc dù lớn hay nhỏ, đông người hay ít người, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và áp bức, bóc lột dân tộc khác. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực, trước hết là quyền bình đẳng về chính trị, chống mọi biểu hiện chia rẽ kỳ thị dân tộc, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti dân tộc..., quyền bình đẳng về kinh tế, đảm bảo sự bình đẳng trong quan hệ lợi ích giữa các dân tộc. Để góp phần thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc thì việc phấn đấu khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản. Cần phải tạo điều kiện cho các dân tộc lạc hậu nỗ lực phấn đấu, cùng với sự giúp đỡ của các dân tộc khác để phát triển nhanh trên con đường tiến bộ, văn minh. Tích cực đấu tranh chống lại các hành vi phân biệt dân tộc, chủng tộc và chống sự áp bức của các nước tư bản đối với các nước chậm phát triển, xóa bỏ sự nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác.

Tóm lại, để thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc cần thủ tiêu sự áp bức, bóc lột giai cấp, dân tộc, kết hợp sự phát triển tự thân của mỗi dân tộc với sự giúp đỡ của các dân tộc khác để mỗi dân tộc phát triển bền vững, đi lên con đường văn minh, tiến bộ, có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc.

*Nguyên tắc các dân tộc được quyền tự quyết*: Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định lựa chọn chế độ chính trị - xã hội, con đường phát triển của của dân tộc mình và không một dân tộc nào được quyền can thiệp vào công việc nội bộ của dân tộc khác. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự quyết định tách ra thành lập một quốc gia dân tộc vì lợi ích của dân tộc và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi để có đủ sức mạnh chống nguy cơ bị xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia dân tộc.

Khi xem xét và giải quyết quyền tự quyết của các dân tộc phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân; ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ; đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu lợi dụng cái gọi là “quyền tự quyết dân tộc” để kích động ly khai, chia rẽ dân tộc, chống phá sự nghiệp cách mạng của các dân tộc.

*Nguyên tắc liên hiệp công nhân các dân tộc*: Đây là tư tưởng cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của Lênin, phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, đồng thời phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào đó giành thắng lợi. Liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết nhân dân lao động các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội; là sức mạnh để phong trào dân tộc và giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc là chia thế giới thành một số lớn các dân tộc bị áp bức và một số rất ít các dân tộc đi áp bức, là những dân tộc có tài sản lớn, lực lượng quân sự hùng mạnh. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, do nhu cầu về mở rộng thị trường, tìm nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt để tối đa hóa lợi nhuận, chủ nghĩa đế quốc luôn tìm cách mở rộng phạm vi áp bức, bóc lột của mình đối với các dân tộc chậm phát triển, biến các dân tộc này những thuộc địa và nửa thuộc địa của chúng. Đây là vấn đề có tính quy luật của chủ nghĩa đế quốc: “Bất cứ một nước nào có một nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh đều tiến nhanh đến chỗ phải đi tìm thuộc địa” [73; tr.479]. Và chính sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đã đẩy các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa vào tình cảnh nghèo nàn, lạc hậu, phụ thuộc.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định rằng có áp bức dân tộc thì tất yếu có đấu tranh dân tộc: “Ngày mai đây của lịch sử toàn thế giới sẽ chính là ngày mai mà các dân tộc bị bọn đế quốc áp bức được thức tỉnh, sẽ dứt khoát vùng dậy, và bắt đầu cuộc đấu tranh quyết liệt, lâu dài và gian khổ, để tự giải phóng mình” [75; tr.414]. Để phát triển lực lượng cách mạng cần phải kết hợp chặt chẽ, thống nhất phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển với phong trào giải phóng dân tộc ở các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của dân tộc. Đồng thời xác định dân tộc và vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Nó vừa là mục tiêu trước mắt nhằm giải quyết vấn đề lực lượng cách mạng, vừa gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm xóa bỏ mọi áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, xây dựng mối quan hệ dân tộc mới bình đẳng, tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc để thực hiện thắng lợi mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thì các dân tộc, các quan hệ dân tộc mới hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc hoàn toàn có được quyền tự quyết của mình, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển trong hòa bình.

Ngày nay, vấn đề dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc là một vấn đề trọng đại, mang tính toàn cầu và tính thời sự nóng bỏng. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học và cách mạng để Đảng ta có thể tiếp thu, vận dụng giải quyết tốt vấn đề dân tộc trong quá trình lãnh đạo thực hiện sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

* + - 1. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*

Nhận thức rõ vai trò, vị trí của vấn đề dân tộc, trong đó có vai trò, vị trí quan trọng của các dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đặc biệt về vấn đề này. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc là một trong những nội dung cơ bản trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các dân tộc thiểu số gồm những nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất,* Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc.

Xuất phát từ lịch sử và thực tiễn của đất nước, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc” [56, tr.596]. Dân tộc Việt Nam là một khối thống nhất của các dân tộc anh em, được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước; các dân tộc thiểu số là một bộ phận hợp thành của dân tộc Việt Nam. Trong Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plây Cu, ngày 19/4/1946, Người viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có “NHA DÂN TỘC THIỂU SỐ” để săn sóc cho tất cả các đồng bào. Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta...Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt” [54; tr.218].

Tư tưởng về một quốc gia đa dân tộc với truyền thống đoàn kết trong một cộng đồng thống nhất tạo nên một sức mạnh vô song để vượt qua các cơn phong ba, những lúc nguy nan của đất nước. Tư tưởng đó của Hồ Chí Minh thể hiện nhận thức phù hợp với thực tiễn khách quan của lịch sử dân tộc. Đó là tài sản vô giá để phát huy trong thời đại của cách mạng vô sản, Người viết: “Đồng bào các dân tộc  không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no” [57; tr.282]…………….